TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 117/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 136/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh ngày 12/02/1989; CCCD: 038189028293;
Địa chỉ: Khu đô thị N, TDP P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.
- *Bị đơn:* Anh Lê Đình B, sinh ngày 10/8/1983; CCCD: 038083007678;
Địa chỉ: Khu đô thị N, TDP P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Lê Đình B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ con chung:* Chị Lê Thị T và anh Lê Đình B cùng khai vợ chồng có 02 con chung, cháu Lê Đình Tuấn A, sinh ngày 24/5/2014, cháu Lê Đình Minh N, sinh ngày 25/3/2020. Ly hôn chị T và anh B thống nhất, thỏa thuận giao con là cháu Tuấn A cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Minh N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Chị Lê Thị T và anh Lê Đình B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị T và anh Lê Đình B mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thống nhất thoả thuận: Chị Thanh chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0001201 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T được nhận lại 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- UBND xã Thọ Ngọc - Thanh Hoá;
- Công an phường Đồng Sơn;
- Lưu vp;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang